

Số: 841/2026/QĐST-HNGĐ

Đồng Nai, ngày 02 tháng 06 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI**

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 1092/2026/TLST-VHNGĐ ngày 20 tháng 05 năm 2026 về việc “*Thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Cáy Coong K, sinh năm 1982;

CCCD số: 075182012046 do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 01/03/2022

Địa chỉ thường trú: tổ 8B, khu phố Đ.N, phường B.H, thành phố Đ.N (cũ là: tổ 8A, khu phố Đ.N, phường H.A, thành phố B.H, tỉnh Đ.N).

Số điện thoại: 0933.097.746

2. Ông Phan Thành T, sinh năm 1986;

CCCD số: 075086021414 do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 21/09/2021

Địa chỉ thường trú: tổ 8B, khu phố Đ.N, phường B.H, thành phố Đ.N (cũ là: tổ 8A, khu phố Đ.N, phường H.A, thành phố B.H, tỉnh Đ.N).

Số điện thoại: 0907.912.702

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Cáy Coong K và ông Phan Thành T tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai (nay là UBND xã Xuân Định, thành phố Đồng

Nai) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyền số 01/2011 đăng ký ngày 14/03/2011.

Thời gian đầu kết hôn cả hai vợ chồng sống hòa thuận sau đó thì luôn xảy ra cãi vã, mâu thuẫn vì bất đồng trong quan điểm sống, cảm thấy không còn hợp nhau về tính tình, không tìm được tiếng nói chung nên từ đó không còn tôn trọng, thương yêu nhau. Càng ngày mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày một trầm trọng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, đời sống hôn nhân không thể kéo dài thêm. Do đó, nay bà K và ông T cùng thống nhất làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 1- Đồng Nai giải quyết cho cả hai được thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Cả hai vợ chồng có 03 người con chung là cháu Phan Gia L, sinh ngày 07/03/2012; cháu Phan Bảo K, sinh ngày 18/07/2016 và cháu Phan Lâm N, sinh ngày 08/05/2018. Sau khi ly hôn, cả hai vợ chồng đã thống nhất giao cả 03 cháu L, cháu K và cháu N cho bà Cáy Coong K nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động. Tam thời ông Phan Thành T phải cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/01 tháng/01 cháu. Tổng số tiền ông T phải cấp dưỡng là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng)/01 tháng/03 cháu. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Vì không trực tiếp nuôi người con chung, nên ông Phan Thành T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về tài sản chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[4]. Nợ chung: Cả hai xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[5]. Về lệ phí VHNGĐ: Bà Cáy Coong K và ông Phan Thành T phải nộp 300.000đ lệ phí VHNGĐ lệ phí hôn nhân gia đình và lệ phí cấp dưỡng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ mà các bên đã nộp tại biên lai thu số 0009770 ngày 28/04/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đồng Nai. Bà K và ông T đã nộp xong.

[6]. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 23 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Cáy Coong K và ông Phan Thành T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Cả hai vợ chồng có 03 người con chung là cháu Phan Gia L, sinh ngày 07/03/2012; cháu Phan Bảo K, sinh ngày 18/07/2016 và cháu Phan Lâm N, sinh ngày 08/05/2018. Sau khi ly hôn, cả hai vợ chồng đã thống nhất giao cả 03 cháu L, cháu K và cháu N cho bà Cáy Coong K nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động. Tạm thời ông Phan Thành T phải cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/01 tháng/01 cháu. Tổng số tiền ông T phải cấp dưỡng là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng)/01 tháng/03 cháu. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Vì không trực tiếp nuôi người con chung, nên ông Phan Thành T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí VHNGĐ: Bà Cáy Coong K và ông Phan Thành T phải nộp 300.000đ lệ phí VHNGĐ lệ phí hôn nhân gia đình và lệ phí cấp dưỡng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ mà các bên đã nộp tại biên lai thu số 0009770 ngày 28/04/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đồng Nai. Bà K và ông T đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- VKSND KV 1 – Đồng Nai;
- UBND xã Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai (nay là UBND xã Xuân Định, thành phố Đồng Nai) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyền số 01/2011 đăng ký ngày 14/03/2011;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đồng Thị Hồng